

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08/6/2020

*“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên

Ông Nguyễn Văn Khóa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 60/2020/TLST-HNGĐ ngày 03/3/2020, về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/5/2020 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Đỗ Thị Nh**, sinh năm 1991.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang ở: B, Đ, Đài Bắc, Đài Loan (Trung Quốc). No.8, N Road, P District, T city.

Vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền nhận các văn bản tố tụng của chị Nh: Ông **Đỗ Văn Tr**, sinh năm 1967.

Địa chỉ : Khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Xuân H**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai Nguyên đơn chị **Đỗ Thị Nh** trình bày: Chị và anh **Nguyễn Xuân H** tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã C (nay là phường V, thành phố C), tỉnh Hải Dương ngày 13/11/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc được thời

gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi nhau, xô xát, thời gian sống ly thân đã lâu. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 03/9/2010. Hiện đang ở với anh H. Trong trường hợp vợ chồng ly hôn chị tôn trọng ý kiến của con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị có 01 nhà xây trên diện tích quyền sử dụng đất mang tên mẹ anh H. Trường hợp vợ chồng ly hôn chị tự nguyện để lại cho con tài sản và không tranh chấp gì nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn anh Nguyễn Xuân H trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị Nh trình bày là đúng. Sau khi kết hôn được khoảng 1 năm anh đi Đài Loan lao động, một thời gian sau chị Nh sang Đài Loan, vợ chồng chung sống cùng nhau được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị Nh không chung thủy, anh đã khuyên bảo nhiều nhưng chị Nh không thay đổi. Đến tháng 3/2019 chị Nh về Việt Nam thăm gia đình, đã dọn đồ đạc về nhà bố mẹ đẻ ở rồi tiếp tục làm thủ tục sang Đài Loan lao động. Khi chị Nh sang Đài Loan, vợ chồng có gặp nhau 2 lần, rồi chấm dứt liên lạc, không quan tâm đến nhau. Tháng 9/2019 anh H về Việt Nam sinh sống. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn.

Về con chung: Như chị Nh trình bày là đúng, tuy nhiên hiện con chung đang ở với anh, trường hợp vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu chị Nh phải cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Con chung của chị Nh, anh H là Nguyễn Hoàng H có đơn đề nghị được ở với bố là Nguyễn Xuân H.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông Đỗ Văn Tr là bố đẻ chị Nh. Ông Tr xác định vợ chồng anh H, chị Nh sống không hạnh phúc. Toàn bộ giấy tờ ly hôn do chị Nh gửi từ nước ngoài về để ông nộp cho Tòa án, ông đồng ý nhận ủy quyền của chị Nh trong việc giao nhận các văn bản tố tụng. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, ông đã thông báo cho chị Nh biết, quan điểm vẫn giữ nguyên yêu cầu trong đơn ly hôn, đồng ý để anh H nuôi con và có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật; về tài sản chung, nợ chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật. Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Nh được ly

hôn anh H. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Xuân H trực tiếp nuôi con là Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 03/9/2010, chị Nh phải có trách nhiệm đóng góp tiền nuôi con cùng anh H là 2.000.000 đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về án phí: Chị Nhung phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tài liệu chị Nh gửi về Tòa án tỉnh Hải Dương gồm đơn ly hôn, bản tự khai, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, giấy ủy quyền đều được Văn phòng kinh tế, văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc xác nhận. Chị Nhung đang sinh sống ở Đài Loan (Trung Quốc) và có đơn khởi kiện ly hôn anh Nguyễn Xuân H đang sinh sống tại Khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Quá trình giải quyết vụ án, anh H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, TAND tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Nh và anh Nguyễn Xuân H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã C (nay là phường V, thành phố C), tỉnh Hải Dương ngày 13/11/2009 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian sau đó cả hai đều sang Đ (Trung Quốc) lao động. Do bất đồng quan điểm sống và vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra xô xát, không tìm thấy tiếng nói chung. Tháng 9/2019 anh H về Việt Nam còn chị Nh vẫn ở Đài Loan, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ, liên lạc với nhau. Nay chị Nh, anh H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị giải quyết ly hôn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị Nh, anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Nh ly hôn anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ nuôi con chung: Chị Nh và anh H có một con chung là Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 03/9/2010, hiện đang ở với anh H. Anh H có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu chị Nh phải cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật. Xét thấy thực tế chị Nh không có mặt tại Việt Nam còn con chung đang ở với anh H được học tập và phát triển toàn diện mọi mặt, mặt khác con chung có nguyện vọng ở với anh H. Nên cần tiếp tục giao con chung là Nguyễn Hoàng H cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp thực tế. Chị Nh không trực tiếp nuôi con nên phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh H với số tiền 1.000.000đ/tháng, kể từ tháng 6/2020

cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Như vậy là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nh xác định tài sản để lại cho con, không tranh chấp gì, không yêu cầu giải quyết. Còn anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Do vậy, HĐXX không đặt ra giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Nh là nguyên đơn và phải cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí dân sự (về hôn nhân gia đình) sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị Nh ly hôn anh Nguyễn Xuân H.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao cho anh Nguyễn Xuân H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 03/9/2010. Chị Đỗ Thị Nh có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con với số tiền là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 6/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nh không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì sẽ phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Chị Nh được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị Nh phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự (về việc Hôn nhân gia đình) sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0002079 ngày 02 tháng 3 năm 2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do ông Đỗ Văn Tr nộp thay).

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Đỗ Thị Nh phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Xuân H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Chị Đỗ Thị Nh được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường V, TP C, Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, lưu VP, lưu Tòa.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân